

KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi Đảng Cộng sản Việt Nam giành được chính quyền, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng vấn đề tôn giáo trong đó có “Vấn đề Công giáo”. Có thể nói, trong một số giai đoạn lịch sử dân tộc, vấn đề tôn giáo ở Việt Nam nổi lên chủ yếu là *Vấn đề Công giáo*, như thời kì dân tộc ta tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp. Ngay cả sau khi đất nước thống nhất (Mùa Xuân 1975) và những năm gần đây, vấn đề Công giáo vẫn nổi lên một số sự kiện “ngược dòng” rất đáng chú ý. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng với quan điểm, đường lối đúng đắn, chính sách, luật pháp đối với tôn giáo trong đó có Công giáo được thể chế và từng bước hoàn thiện, Đảng, Nhà nước ta thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, động viên tới mức tối đa hàng giáo sĩ, giáo dân, tu sĩ Công giáo tham gia chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước và ngày nay là xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾. Đây là một trong những thành tựu của Đảng và Nhà nước ta. Những thành tựu ấy

trước hết là do Đảng ta biết vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời còn thể hiện năng lực sáng tạo của Đảng, Nhà nước ta với vấn đề tôn giáo/Công giáo. Bởi do điều kiện lịch sử quy định mà tình hình, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam nói chung và Công giáo Việt Nam nói riêng có nhiều nét khác biệt so với tôn giáo các nước khác trong đó có Châu Âu, đặc biệt là tôn giáo đương thời lúc các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác nghiên cứu, đúc rút đề ra quan điểm. Để rồi từ đó dân tộc ta có tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về tôn giáo/ Công giáo được nhận thức và từng bước hoàn thiện trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc, xây dựng, phát triển đất nước. Chính trong quá trình đó, Đảng, Nhà nước ta đã để lại những kinh nghiệm quý báu về vấn đề tôn giáo trong đó có vấn đề Công giáo mà ngày nay chúng ta cần thiết phải chỉ

^(*). PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Báo *Nhân dân* số ra ngày 19/3/2011.

ra để kế thừa, để tiếp tục sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, tiến tới mục tiêu mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của đảng đề ra: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội*. Đây là một vấn đề lớn đòi hỏi phải có cả một công trình nghiên cứu cơ bản. Trong bài viết này chúng tôi tập trung đi vào một số kinh nghiệm sau đây, chủ yếu từ thời điểm Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (1986), chú trọng từ thời điểm ra đời NQ. 24/TW (ngày 16/10/1990), những thời kì lịch sử trước đó chỉ điểm xuyết và nhấn mạnh khi cần thiết.

1 - Đảng có quan điểm, đường lối đúng đắn phù hợp với mỗi thời kì lịch sử, xử lí mềm dẻo, linh hoạt quan hệ Công giáo và Dân tộc theo chiến lược Lương - Giáo đoàn kết để đi đến mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc, chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.

2 - Nhà nước từng bước hoàn thiện chính sách, luật pháp để quản lí tôn giáo trong đó có Công giáo.

3 - Quan tâm, tạo điều kiện cho Công giáo hoạt động bình thường theo chính sách, luật pháp. Chú trọng đến hoạt động quốc tế, đặc biệt với Vatican của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

4 - Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

5 - Những vấn đề đặt ra hiện nay đối với việc giải quyết “Vấn đề Công giáo”.

Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào từng phần nội dung trên.

I. ĐẢNG CÓ QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI ĐÚNG ĐẮN PHÙ HỢP VỚI MỖI THỜI KÌ LỊCH SỬ, XỬ LÍ MỀM DẸO, LINH HOẠT QUAN HỆ CÔNG GIÁO VÀ DÂN TỘC THEO CHIẾN LƯỢC LƯƠNG - GIÁO ĐOÀN KẾT ĐỂ ĐI ĐẾN MỤC TIÊU ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, CHỐNG NGOẠI XÂM GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Ngay từ khi Đảng ra đời, vấn đề Công giáo và dân tộc đã được đặt ra và ngày càng trở nên nóng bỏng. Bởi, trước đó không lâu, một bài học lịch sử có thể nói là hết sức đau thương về xử lí mối quan hệ này dưới thời một số vua Nhà Nguyễn, dù rằng cách xử sự của Nhà Nguyễn “có hạt nhân hợp lí” đi chăng nữa. Lịch sử giai đoạn này và những giai đoạn tiếp theo, tùy ở mỗi thời kì lịch sử dân tộc, “Vấn đề Công giáo” lại có những biểu hiện dưới nhiều chiều cạnh khác nhau, vì vậy đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải nắm bắt kịp thời, xử lí đúng đắn.

Công giáo Việt Nam trước Công đồng Vatican II (1962-1965) coi trọng “nước Trời” hơn “nước Trần gian” được hiểu là dân tộc đang nuôi dưỡng mình; dưới sự dẫn dắt của các Thừa sai Pháp thuộc Hội Truyền giáo Paris, Công giáo ở Việt Nam bị hướng vào quyền lợi của nước Pháp. Điều này thể hiện rõ nhất ở *Thư chung các Giám mục Đông Dương (1951)* với nội dung chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận định về Thư chung 1951, Linh mục Trần Tam Tỉnh cho đó là “những lời tuyên bố sấm sét”. Linh mục còn coi đó là một bản án, khi ông viết: “Bản án đó mang 12 chữ kí, trong đó có 5 chữ kí Việt Nam, tỏ rõ cho dân chúng thấy Giáo hội chính thức của Việt Nam đứng về phía

nào. Nó hoàn tất sự cắt đứt quan hệ (trừ những người Công giáo yêu nước mà bị vạ tuyệt thông và bị Giáo hội ruồng bỏ) giữa Công giáo và kháng chiến. Nó xô đẩy người Công giáo coi mình là quân binh của lực lượng thập giá, bởi vì từ nay việc họ sung vào hàng ngũ quân đội Pháp được giao quyền thánh hóa rồi⁽²⁾. Như vậy, đến thời điểm năm 1951, mối quan hệ Công giáo và kháng chiến (đúng ra là mối quan hệ Công giáo và dân tộc Việt Nam) được “hoàn tất sự cắt đứt”. Bởi nhìn thấu lịch sử, trước đó từng có một bộ phận giáo sĩ, giáo dân dưới hình thức này hay hình thức khác, dù vô tình hay hữu ý đã tiếp tay cho thực dân xâm lược và nô dịch dân tộc Việt Nam. Một quá khứ bị đè nặng, bị ám ảnh để rồi từ đó xuất hiện một bộ phận giáo sĩ và giáo dân không đồng hành với dân tộc Việt Nam mà một số nhà nghiên cứu lịch sử Công giáo ở Việt Nam gọi đó là DÒNG ĐỤC để phân biệt với một bộ phận lớn tín đồ và một phần giáo sĩ hoặc trung lập chỉ lo thực hành tôn giáo hoặc là đi theo con đường dân tộc là đánh đuổi thực dân, đánh đổ phong kiến giành độc lập tự do cho Tổ quốc gọi là DÒNG TRONG.

Một trang sử rất đẹp của “Cách mạng Mùa Thu” ghi lại dòng người đi cướp chính quyền từ tay thực dân, phong kiến, có người Công giáo. Ở Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình) một số giáo dân có lòng yêu nước và “sốt sắng” đã chủ động đón nhận thời cuộc tham gia cướp chính quyền địch ở địa phương. Nhưng có lẽ một hình ảnh thật đẹp là trong cuộc mít tinh mừng ngày độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là hình ảnh một bộ phận chủng sinh, nữ tu, tín đồ Công giáo tiến vào Quảng trường

Ba Đình lịch sử, tham dự mít tinh, điều hành trong khối đại đoàn kết dân tộc. Cũng như toàn thể những người có mặt hôm đó tại Quảng trường Ba Đình họ giờ cao nắm tay thể trung thành với Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Rồi cả 4 giám mục người Việt Nam lúc đó đã cùng kí tên vào bức điện văn gửi Tòa Thánh và Kitô hữu toàn thế giới yêu cầu ủng hộ độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời quyết tâm bảo vệ đất nước đến cùng. Các giám mục, linh mục và giáo dân ở Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình đã gửi thư lên Chủ tịch Hồ Chí Minh cam kết: “Dù phải hi sinh xương máu để kiến thiết nhà nước tự do hạnh phúc hoàn toàn, thì chúng tôi cũng sẵn sàng không ngần ngại”⁽³⁾. Có được hào khí trên về chủ quan là tinh thần yêu nước, yêu dân tộc của hàng ngũ giáo sĩ và giáo dân vốn tiềm ẩn, nay có dịp trỗi dậy, về khách quan là ngay từ khi thành lập, Đảng ta có quan điểm đường lối đúng đắn để tập hợp và xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh người sáng lập ra Đảng và cũng chính là người đặt nền móng cho quan điểm này. Tư tưởng, quan điểm đó được hình thành từ khi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước. Ngay từ thời kì đó, người đã nhận ra “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” mà một bộ phận quan trọng là đoàn kết tôn giáo trong đó có đoàn kết Công giáo. Lãnh đạo Đảng tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân giành độc lập dân tộc, thành lập nước Việt Nam

2. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, 1988, tr. 93.

3. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo*. Huy Thông tuyển chọn và giới thiệu, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004, tr. 7.

Dân chủ Cộng hòa, tư tưởng đoàn kết Công giáo lại được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định chỉ một ngày sau tuyên ngôn độc lập, ngày 3/9/1945. Đó là “Tín ngưỡng tự do, và Lương và Giáo đoàn kết”⁽⁴⁾. Vậy là vấn đề Công giáo được đặt ra ngay từ ngày đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bởi đây là vấn đề then chốt của lương giáo đoàn kết. Tại sao vấn đề này lại được đặt ra sớm đến như vậy trong khi những điều kiện chủ quan và khách quan chưa thật sự nổi lên. Đó là do Chủ tịch Hồ Chí Minh có một nhãn quan chính trị sắc bén đi trước thời cuộc. Thực tiễn cho thấy không lâu sau “Vấn đề Công giáo” dần dần nổi rõ và đoàn kết lương giáo trở nên cấp bách và nóng bỏng. Đó là khi dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp. Đây là thời kì xuất hiện trở lại của “Dòng dục” mà tiêu biểu là Giám mục Lê Hữu Từ, Giám mục Giáo phận Phát Diệm (Ninh Bình) và một số giáo sĩ thuộc Giáo phận này cùng với một số giáo sĩ thuộc Giáo phận Bùi Chu (Nam Định) và ở một vài nơi khác, ở các xứ, họ đạo Công giáo Miền Bắc đã có những hành động chống đối cách mạng quyết liệt như thành lập lực lượng vũ trang là tín đồ Công giáo, một số xứ, họ đạo làng Công giáo ở Kim Sơn (Ninh Bình) được biến thành ổ đề kháng chống lại kháng chiến bằng cách rào làng canh phòng cẩn mật. Đó còn là những cuộc càn quét khủng bố của thực dân Pháp ở một số xứ, họ đạo, làng Công giáo mà lực lượng tham gia có những “đội” vũ trang của Nhà thờ Công giáo.

Trong tình hình như vậy, Đảng, Nhà nước ta mà người đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xử lí rất khéo léo và mềm dẻo vấn đề Công giáo. Vì vào thời điểm này chỉ cần một sơ xuất dù nhỏ

nhoi cũng đủ làm cho tình hình trở nên phức tạp gấp nhiều lần. Tuy hiểu rõ bản chất chống cộng của Giám mục Lê Hữu Từ nhưng Hồ Chí Minh vẫn mời làm cố vấn Chính phủ. Lời lẽ trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ của Hồ Chí Minh thật là mềm dẻo, đậm tình người nhằm khơi dậy tinh thần dân tộc của vị chủ chăn của một giáo phận ở một vùng đất quan trọng ở Miền Bắc. Thậm chí nhằm làm dịu một phần nào tình hình đang hết sức căng thẳng ở địa bàn Kim Sơn (Ninh Bình) đang nóng bỏng lúc đó, Hồ Chí Minh còn nhân nhượng thả một số còn đồ là giáo dân giết hại cán bộ một cách tàn bạo dã man như thời Trung cổ, do chúng gây ra ở xứ Văn Hải, Kim Sơn, Ninh Bình mà án tử hình đối với chúng vẫn còn nhẹ. Cũng có khi Hồ Chí Minh tỏ ra cứng rắn về quan điểm với Giám mục Lê Hữu Từ khi yêu cầu ông thực hiện vai trò công dân đối với dân tộc. Bởi hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ vai trò của các mục tử Thiên Chúa với cộng đoàn chiên chúa của họ. Vì vậy, tranh thủ sự ủng hộ kháng chiến của họ cũng như các linh mục là vô cùng quan trọng, nhất là trong thời điểm mà khối đoàn kết dân tộc có nguy cơ bị phá vỡ.

Đối với Giáo hội Công giáo ở Việt Nam, nghĩa là đối với cả hàng giáo phẩm, giáo dân và tu sĩ, những thành phần Dân Chúa, Hồ Chí Minh đã sớm đưa ra một phương châm hành động để giải tỏa cho họ, để họ vừa hoàn thiện sứ mệnh với nước Thiên Chúa và vừa hoàn thành sứ mệnh với nước Trần gian, cụ thể ở đây là dân tộc Việt Nam, nơi mà dòng máu Lạc Hồng vẫn đang nuôi dưỡng họ. Trong

4. *Hồ Chí Minh. Toàn tập*, tập 3, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 7.

Thư gửi Liên đoàn Công giáo và nhà dục anh Thái Bình ngày 10-5-1946 Hồ Chí Minh đưa ra phương châm cho họ là *Phụng sự Tổ quốc, phụng sự Chúa Trời*⁽⁵⁾. Ở một thư khác gửi Giám mục Lê Hữu Từ (đề ngày 01 tháng 02 năm 1947) phương châm ấy được đảo vị trí là “Phụng sự Thiên Chúa và Tổ quốc”⁽⁶⁾ hoặc “Phụng sự Chúa Trời, phụng sự Tổ quốc”⁽⁷⁾. Song dù ở vị trí nào thì đây là hai sứ mệnh ngang nhau, người Công giáo cần thiết phải thực hiện cả hai bởi họ vừa là tín đồ vừa là công dân. Nếu như 10 điều răn của Chúa Trời quy lại hai điều KÍNH CHÚA - YÊU NGƯỜI thì với người Công giáo Việt Nam YÊU NGƯỜI được thể hiện lớn lao hơn, rõ ràng, cụ thể hơn đó là YÊU NƯỚC, từ đó hình thành phương châm sống của người Công giáo là KÍNH CHÚA, YÊU NƯỚC. Trong tiến trình cách mạng, phương châm ấy được cụ thể hơn, sống TỐT ĐỜI, ĐẸP ĐẠO. Khẩu hiệu hay phương châm ấy ở mỗi thời kì lịch sử mà biểu hiện khác nhau. Khi dân tộc ta chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp thì mục tiêu đặt ra là “phải nên nỗ lực tranh đấu cho nên độc lập nước nhà”⁽⁸⁾ và sau này là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc tranh thủ các giám mục mà tiêu biểu là đối với Giám mục Lê Hữu Từ hoặc như Giám mục Giáo phận Bùi Chu, được Hồ Chí Minh mời làm cố vấn chính phủ, Hồ Chí Minh còn tranh thủ với các vị linh mục mà tiêu biểu là Linh mục Vũ Xuân Kỳ, đặc biệt là Linh mục Phạm Bá Trực. Từ một người linh mục chỉ chăm lo việc đạo, Linh mục nghe theo tiếng gọi của cách mạng và Hồ Chí Minh lên đường đi theo kháng chiến, hòa mình vào dòng những người con đất Việt,

tham gia cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Năm 1946, Linh mục được nhân dân bầu là Đại biểu Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được bầu làm Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Năm 1951, Linh mục được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc. Linh mục còn đảm đương các chức vụ như Ủy viên Trung ương của hội Việt - Hoa hữu nghị. Hồ Chí Minh còn dành nhiều tình cảm tốt đẹp và chân thành đối với Linh mục Phạm Bá Trực. Ở chiến khu Việt Bắc “nhiều phiên họp Hội đồng chính phủ kéo dài đến tận đêm khuya, Linh mục Phạm Bá Trực thường nghỉ lại với Hồ Chí Minh”⁽⁹⁾. Khi Linh mục bị bệnh nặng ở chiến khu, Hồ Chí Minh luôn chăm lo, thăm hỏi. “Người ra lệnh cho các bác sĩ, y sĩ phục vụ Cha Trực phải đến báo cáo luôn với Người về bệnh tình Cha Trực. Đến lúc bệnh Cha Trực quá trầm trọng không còn phương cứu chữa, mất đi, Hồ Chí Minh rất thương xót. Người vừa khóc vừa viết diếu tang và cử Bộ trưởng đến đọc thay Người”⁽¹⁰⁾. Lời diếu có đoạn: “Từ ngày nhân dân tin cậy ở cụ làm Đại biểu Quốc hội và Quốc hội

5. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. KHXH, tr.174.

6. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 188.

7. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 221 hoặc tr. 245.

8. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 171.

9. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên). *Linh mục Phạm Bá Trực và đường hướng Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời kì chống thực dân Pháp (1946-1954)*, Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 69.

10. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên). *Linh mục Phạm Bá Trực và đường hướng Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời kì chống thực dân Pháp (1946-1954)*, Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 76-77.

cử cụ vào Ban Thường trực, cụ đã đưa hết tinh thần và lực lượng giúp Chính phủ trong mọi vấn đề quan trọng. Trong mọi việc, cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy, với tinh thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính cho nhân dân Việt Nam...

Với lòng vô cùng thương tiếc một nhà tận tụy ái quốc và một người bạn thân thiết, trước linh hồn cụ, chúng tôi nguyện kiên quyết một lòng, đoàn kết toàn dân để làm tròn sự nghiệp mà một đời cụ mong muốn tức là: Củng cố hòa bình thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn nước Việt Nam yêu quý của chúng ta⁽¹¹⁾. Sau ngày mất của Linh mục (ngày 5/10/1954) đến ngày 20/11/1954 Ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Liên Việt toàn quốc đã tổ chức lễ cầu hồn cho cụ tại Nhà thờ Lớn Hà Nội⁽¹²⁾. Đối với linh mục tham gia kháng chiến hoặc có đóng góp với kháng chiến, Hồ Chí Minh quan tâm động viên với một tình cảm ân tình, nồng hậu. Hồ Chí Minh điện văn gửi Linh mục Lê Văn Yên (Bắc Ninh) không những làm tròn nhiệm vụ một uỷ viên trong Ủy ban kháng chiến tỉnh Bắc Ninh, tham gia củng cố tinh thần đoàn kết Lương - Giáo còn tận tâm giúp đỡ thương binh mà không nhận lương, phụ cấp⁽¹³⁾. Linh mục Vũ Xuân Kỳ viết: “Các linh mục chúng tôi hồi hoạt động kháng chiến cũng như bây giờ được Hồ Chủ tịch luôn thăm hỏi, săn sóc. Hồi còn ở Việt Bắc, mỗi khi đi công tác, dù cần giữ bí mật, hề gặp chúng tôi là Người dừng ngựa ân cần bắt tay hỏi han công việc và sức khoẻ của chúng tôi”⁽¹⁴⁾.

Chưa đầy một năm sau ngày Miền Bắc giải phóng, Hồ Chí Minh với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành: *Sắc lệnh về vấn đề tôn*

giáo kí ngày 14/6/1955. Đối với Công giáo, sắc lệnh đã giải toả nỗi lo của Giáo hội Công giáo La Mã cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam, khi điều 13 viết: *Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam và Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo*⁽¹⁵⁾. Nhận định về điều này trong một bài viết của mình, chúng tôi cho rằng, đây là một tư tưởng siêu thời đại. Thời điểm này ở nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, một nước láng giềng có chung chế độ xã hội chủ nghĩa được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản như ở Việt Nam, đã tách Giáo hội Công giáo Trung Quốc ra khỏi Giáo hội Công giáo Rôma để thành lập tổ chức với tên gọi: *Hiệp hội yêu nước Công giáo Trung Quốc* với phương châm “Giáo hội độc lập, tự chủ, tự biên” (quen gọi là *Giáo hội Tam Tự*). Điều này đã và đang làm cho công tác quản lý Công giáo ở Trung Quốc ngày càng trở nên phức tạp, Nhà nước phải đối phó với một giáo hội đang ngấm ngấm hoạt động tách ra khỏi Hiệp hội yêu nước Công giáo và tuân thủ Vatican được gọi là “*Giáo hội ngấm*”. Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Vatican hiện đang vấp phải trở ngại lớn. Do quy định: Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo và quan hệ giữa Giáo hội Việt Nam với Tòa Thánh Vatican là vấn đề nội bộ của Công giáo nên phần lớn giáo sĩ và tuyệt đại bộ

11. Báo Nhân dân, ngày 11-12/10/1954.

12. Báo cáo tình hình và công tác của Ban Thường trực Quốc hội từ tháng 12/1953 đến cuối năm 1954. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II.

13. Báo Cứu quốc, chi nhánh số 6. Số 907. Ngày 22/04/1948.

14. Linh mục Vũ Xuân Kỳ. “Có Hồ Chủ tịch là có tự do rồi”. Báo Cứu quốc, số 1708, ngày 15/5/1955.

15. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng, Sđd, tr. 307.

phận giáo dân càng thêm tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Mỗi quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Vatican ngày càng trở nên cởi mở, thân thiện và hiện đang trên tiến trình thiết lập ngoại giao một cách đầy đủ giữa hai nhà nước. Với tư tưởng thể hiện qua chính sách trên chứng tỏ Đảng, Nhà nước ta luôn biết đề ra quan điểm, đường lối và chính sách đối với tôn giáo nói chung và Công giáo nói riêng với điều kiện và hoàn cảnh nước ta. Chính vì vậy còn tránh được những vấn đề phức tạp nảy sinh làm phương hại đến khối đoàn kết dân tộc, chống được âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, mở rộng được quan hệ trên trường quốc tế trong đó có Vatican.

Khi đế quốc Mỹ và bọn phản động lợi dụng tôn giáo tuyên truyền xuyên tạc Chúa vào Nam, Đức Mẹ khóc hoặc hiện ra vì thương xót dân chiến để cường bức, dụ dỗ tín đồ Công giáo di cư vào Nam, khối đoàn kết toàn dân đứng trước nguy cơ phá vỡ mới. Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh đã cử những cán bộ cốt cán giàu kinh nghiệm về từng xứ, họ đạo làng Công giáo Miền Bắc, đến từng nhà ba cùng với bà con, kiên trì vận động, thuyết phục họ ở lại, yên tâm sản xuất, xây dựng đời sống mới. Hồ Chí Minh viết bài kêu gọi đồng bào Công giáo không nên nhẹ dạ cả tin mà mắc mưu địch. Lời lẽ trong các bài viết thật giản dị, dễ hiểu, dễ đi vào lòng dân như: *Quê đâu cho bằng quê nhà/ Nhà ta ta ở việc ta ta làm*. Ở một bài viết khác, Hồ Chí Minh tỏ rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta rằng, ai đã vào Nam, nếu thấy rõ sự đen tối của Mỹ - Diệm quay trở về quê làm ăn, Chính phủ sẽ tạo điều kiện giúp đỡ¹⁶.

Miền Bắc giải phóng thực hành cải cách ruộng đất, dù Nhà chung ở một số giáo phận đồng bằng Bắc Bộ, ví dụ như Nhà chung Phát Diệm (Kim Sơn – Ninh Bình) có tới hàng nghìn mẫu ruộng phát canh thu tô được dân gian gọi là “địa chủ Nhà chung”, nhưng Điều 11 của *Sắc lệnh về tôn giáo* quy định: Khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, những giám mục, linh mục, nhà sư, chức sắc có ruộng đất riêng phát canh thu tô như địa chủ, sẽ không quy định thành phần là địa chủ, nhưng phải thi hành chính sách ruộng đất của Chính phủ. Đây thực sự là một chính sách mềm dẻo về ruộng đất ở một nước nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, một sự kiện quan trọng đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam không chỉ là hòa hợp làm một mà cần thiết phải có một tổ chức riêng biệt để tập hợp tất cả các giám mục đang thi hành phận sự mục vụ nơi các giáo phận Việt Nam với nhiệm vụ cổ vũ tình liên đới để phát huy các thiện ích mà Giáo hội cống hiến cho Dân Chúa bằng các hình thức tông đồ và các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh của thời đại, trong tinh thần gắn bó với dân tộc và đất nước. Đó chính là Hội đồng Giám mục Việt Nam. Hội đồng được thành lập vào cuối tháng 4 năm 1980. Ngày 1/5/1980 Hội đồng Giám mục Việt Nam ra *Thư chung 1980*, mở đầu *Thư chung* có đoạn: “Chúng ta thành thật biết ơn Chính phủ đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho

16. Xem hai bài viết về vấn đề này của Hồ Chí Minh, trong cuốn: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. Bài thứ nhất: *Quê đâu cho bằng quê nhà/ Nhà ta ta ở việc ta ta làm*, tr. 277; Bài thứ hai: *Lời nhắn nhủ đồng bào Công giáo đã di cư vào Nam*, tr. 298.

Đại hội này”. Chỉ ngần ấy chữ thôi nhưng nó là sự xác tín của những vị chủ chăn giáo hội địa phương với toàn thể cộng đồng dân Chúa Việt Nam. Và sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Nhà nước Việt Nam đã thể hiện rất rõ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với Công giáo luôn trung thành với phương châm đoàn kết dân tộc để ứng xử với Công giáo.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Song, do tính đặc thù và điều kiện lịch sử nên vấn đề tôn giáo trong đó có Công giáo được đặt ra từng bước thận trọng và hơn 4 năm sau một văn bản của Đảng về tôn giáo mới ra đời, Nghị quyết 24/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tên Nghị quyết là *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. So với các quan điểm, đường lối của Đảng ta về tôn giáo trước đó thì đây là một bước đột phá trong nhận thức của Đảng. Nghị quyết xác định: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Tiếp theo, Trung ương Đảng khoá IX đã ra Nghị quyết số 25/TW ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo*. Nghị quyết nhắc lại các luận điểm cơ bản và cụ thể hóa thêm NQ. 24/TW (16-10-1990). Đại hội lần thứ X của Đảng tổng kết một bước về đổi mới quan điểm và chính sách tôn giáo trong 20 năm. Các kỳ Đại hội Đảng VIII, IX, X đều quán triệt tinh thần đổi mới công tác tôn giáo trong phân chính sách của cương lĩnh Đại hội. Cũng trên tinh thần đó *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*,

Cương lĩnh 1991 cũng quán triệt đổi mới công tác tôn giáo. Đại hội lần thứ XI của Đảng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* và Báo cáo Chính trị đều có phần dành riêng cho công tác tôn giáo với sự nghiệp đổi mới. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, phân tôn giáo ghi: Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân⁽¹⁷⁾. *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, phân tôn giáo có cụ thể hơn. Đó là: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc”⁽¹⁸⁾.

17. Báo Nhân dân ngày 19 tháng 3 năm 2011.

18. Báo Nhân dân - Phụ trương 19 tháng 3 năm 2011.

Như vậy, kể từ năm 1990, năm ra đời Nghị quyết 24/TW (16/10/1990), đến nay, Đảng có hai Nghị quyết và một Chỉ thị (Chỉ thị 37/TW) và các kì Đại hội Đảng VIII, IX, X, XI, phần Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1991 và Cương lĩnh bổ sung 2011, đổi mới công tác tôn giáo đã được quán triệt, thấu suốt. Thông thường cứ sau 5 năm, Đảng ta lại tổng kết việc thực hiện nghị quyết để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh cho sát hợp hơn với thực tiễn luôn diễn ra ở trong và ngoài nước. Song, những vấn đề cốt lõi thì vẫn giữ nguyên giá trị. Đó là cách nhìn nhận tôn giáo đa chiều cạnh không nặng về hoạt động chính trị, khẳng định những giá trị và tác động của văn hóa tôn giáo đối với nền văn hóa dân tộc Việt Nam đa tộc người; tách bạch giữa tín ngưỡng và tôn giáo, xác nhận tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong tiến trình dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Phân tín ngưỡng còn được cụ thể hơn, đó là phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Ngày 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm - ngày Giỗ tổ Hùng Vương được nâng lên thành quốc lễ.

Chính sách đại đoàn kết dân tộc được thực hiện nhất quán, khẳng định đồng bào các tôn giáo nằm trong khối đại đoàn kết dân tộc. Những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc đều kiên quyết đấu tranh. Đối với chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được tiếp tục hoàn thiện nhưng phải phù hợp với quan điểm của Đảng.

Công giáo là một tôn giáo lớn ở nước ta nên rõ ràng quan điểm, đường lối

trên đã tác động rất tích cực đến “vấn đề Công giáo”.

II. NHÀ NƯỚC TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP ĐỂ QUẢN LÝ TÔN GIÁO TRONG ĐÓ CÓ CÔNG GIÁO

Do những điều kiện đặc thù, nên chính sách, luật pháp của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo thường dành những phần đáng kể cho Công giáo. Nếu như vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong quan điểm, đường lối của Đảng thì vấn đề ấy cũng được quán triệt sâu sắc trong chính sách, luật pháp của Nhà nước.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh đã khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là Nhà nước công nông đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Khác với các nhà nước phong kiến quân chủ lấy một tôn giáo làm chủ đạo, tuy không tuyên bố độc tôn một tôn giáo nào. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động, song tư tưởng ấy không toàn thống, toàn trị xã hội trong một xã hội dân chủ nhân dân. Các tôn giáo ở Việt Nam đều được hoạt động bình thường, công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà nước không kì thị hay đàn áp tôn giáo, không chọn một tôn giáo nào làm quốc đạo, các tôn giáo ở Việt Nam dù đông hay ít tín đồ đều bình đẳng trước pháp luật. Đồng bào theo các tôn giáo phải làm tròn nghĩa vụ công dân của mình đối với Nhà nước. Trong *Thư gửi những người làm công tác văn hóa và tri thức Nam Bộ* đề ngày 23/5/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do”⁽¹⁹⁾. Tín ngưỡng mà thời kì bấy giờ sử dụng có hai hàm nghĩa; một là chỉ niềm tin tôn giáo, hai là tín ngưỡng và tôn giáo được hiểu như Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo được Quốc hội ban hành tháng 6/2004. Khẩu hiệu hành động của các tôn giáo lúc đó được Hồ Chí Minh nêu ra là: Lương cũng như Giáo, Phật cũng như Cao Đài, đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết kháng chiến để giải phóng giống nòi, giữ gìn Tổ quốc⁽²⁰⁾. Nghĩa là các tôn giáo đều có một mẫu số chung là giống nòi và Tổ quốc.

Để thực hiện vai trò, chức năng của một nhà nước pháp quyền, ngay từ khi chưa có tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội - cơ quan lập pháp và trong khi chờ đợi bản Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam mới, trước yêu cầu cấp thiết của tình hình tôn giáo đặt ra lúc bấy giờ Chính phủ lâm thời ban hành một số sắc lệnh. Trước hết là sắc lệnh số 65 ngày 23/11/1945: *Ấn định nhiệm vụ Đông phương Bác cổ học viện*, sắc lệnh có 4 điều, xin dẫn Điều 4: Cấm phá hủy những đình, chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác: cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn.

Cấm phá hủy những bi kí, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử mà không bảo tồn⁽²¹⁾. Ngày 18/02/1946 ban bố sắc lệnh của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ấn định những ngày tết, kỉ niệm lịch sử và lễ tôn giáo. Theo sắc lệnh lễ tôn giáo có 6

ngày nghỉ, trong đó Phật giáo có 03, Công giáo có 03. Với Công giáo là : Lễ Phục sinh tháng 4, Lễ các Thánh 01/11, Lễ Thiên Chúa Giáng sinh 25/12.

Trong những ngày này các công sở toàn quốc sẽ đóng cửa và sẽ cử nhân viên phụ trách từng công việc thường trực⁽²²⁾. Vào thời điểm đó, với Công giáo thì 3 ngày lễ trên là 3 ngày lễ trọng, ngày này tín đồ phải được “nghỉ phần xác” để đến Thánh đường tham dự Thánh lễ.

Ngày 5/4/1946: Kí Nghị định của Chính phủ về Giáo dục trong các tôn giáo⁽²³⁾.

Ngày 6/8/1946: Nghị định do Bộ trưởng Nội vụ kí sau khi đã tham khảo ý kiến Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh: “Liên đoàn Công giáo Việt Nam trụ sở tại Hà Nội, số 3 phố Nhà Chung nay được phép thành lập và hoạt động theo thể lệ ấn định trong Sắc lệnh 52, ngày 22/4/1946”⁽²⁴⁾.

Ngày 24/9/1946: Nghị định (do Bộ trưởng Nội vụ kí) quy định Hội đồng quản trị nghĩa địa Công giáo được phép tổ chức trong các giáo dân thuộc nội, ngoại thành một cuộc lại quyền lấy tiền tu sửa hai nghĩa địa Khương Thượng và Quỳnh Lôi.

Qua Nghị Định cũng như Sắc lệnh cho thấy Công giáo được hoạt động bình

19. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Sđd, tr. 197.

20. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Sđd, tr. 203.

21. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 101-102.

22. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 181.

23. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 373.

24. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Sđd, tr. 375.

thường, nghi lễ tôn giáo được tôn trọng, các hoạt động của Công giáo phải chịu sự quản lý của Chính phủ qua các Nghị định, Sắc lệnh. Nhiều đoàn thể Công giáo được phép thành lập và hoạt động theo yêu cầu của Nhà nước.

Điều đặc biệt quan trọng là sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc, khoa học, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua ngày 8/11/1946 và công nhận là chính thức ngày 9/11/1946.

Chương II: Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân

Mục B: Quyền lợi

Điều thứ 10, Công dân Việt Nam có quyền ... tự do tín ngưỡng⁽²⁵⁾.

Trở lại trước thời điểm ban hành Hiến pháp, ngày 01/6/1946, cử tri cả nước đi tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội. Trong thành phần của Quốc hội có đại biểu Công giáo, Linh mục Phạm Bá Trực, mấy năm sau ông được cử làm Phó trưởng Ban Thường trực Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 5/1947. Chính phủ của Hồ Chí Minh có hai đại biểu Công giáo được mời làm cố vấn, một là Giám mục Lê Hữu Từ, hai là ông Ngô Tử Hạ, một trí thức Công giáo. Sau này còn có thêm một số đại biểu Công giáo khác tham gia như bác sĩ Vũ Đình Tụng - phụ trách Bộ Thương binh xã hội.

Như vậy, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước thế tục nhưng không phải thế tục một cách cực đoan. Theo truyền thống dân tộc, đặc biệt là để thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc trong thành phần của Chính phủ vẫn có những đại biểu của các tôn giáo, trong đó có Công giáo. Ngay từ đầu, tuy không

chính thức đưa vào văn bản nhưng Nhà nước Việt Nam đã biết phát huy nguồn lực tôn giáo trong đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước. Vì vậy mà phát huy được sức mạnh của cộng đồng Công giáo vào kháng chiến, kiến quốc.

Miền Bắc được giải phóng, tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn Miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong tình hình mới của đất nước đòi hỏi công tác quản lý tôn giáo cần thiết phải sớm ban hành văn bản pháp quy.

Trong kì họp thứ 4, Quốc hội khoá I từ ngày 20-26/3/1955, 6 nguyên tắc về chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng, Chính phủ đề nghị Quốc hội thông qua.

1 - Mọi công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng.

Các nhà tu hành được tự do giảng đạo trong các cơ quan tôn giáo. Các tín đồ được tự do lễ bái. Sách báo, tài liệu về tôn giáo được xuất bản theo đúng luật lệ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2 - Các nhà tu hành, các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân Việt Nam. Để cho các nhà tu hành có điều kiện để làm tôn giáo của họ, sẽ có sự chăm chú thích đáng về mặt nghĩa vụ công dân.

3 - Các nhà thờ, chùa, thánh thất được tôn trọng và bảo vệ.

4 - Các cơ quan giáo lý, văn hóa, xã hội, các tổ chức công thương nghiệp của các tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

25. Báo *Cứu quốc*. Ngày 20/11/1946.

5 - Khi thi hành luật cải cách ruộng đất đối với các tôn giáo sẽ có sự chiếu cố như sau:

a. Khi cải cách ruộng đất, trong số ruộng mà Chính phủ trưng thu hoặc trưng mua để cho nông dân, sẽ để lại cho Nhà Chung, Nhà Chùa, các Thánh Thất một số ruộng đủ dùng vào việc thờ cúng và để dùng vào sinh hoạt của những người chuyên làm nghề tôn giáo. Số ruộng đó sẽ do nhân dân địa phương bình nghị và chính quyền chuẩn y.

b. Những linh mục, nhà sư, chức sắc có ruộng đất riêng cho phát canh thu tô như địa chủ, không bị vạch thành phần là địa chủ, nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ.

c. Những kẻ mượn danh nghĩa hoặc vin cơ tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, phá hoại đoàn kết của nhân dân, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái với pháp luật, sẽ bị trừng trị.

Quốc hội đã uỷ nhiệm cho Chính phủ căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, ban hành những luật pháp thích hợp để thực hiện chính sách, đảm bảo tự do tín ngưỡng⁽²⁶⁾.

Sáu nguyên tắc về chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng được Chính phủ ban hành, Quốc hội thông qua đã tạo nên sự phấn khởi trong đồng bào Công giáo. Bởi những nguyên tắc đó đều rất thiết thực, "sát sườn" với đồng bào. Vì vậy mà trong thời gian tháng 4, tháng 5 năm 1955, đồng bào Công giáo nhiều tỉnh, thành phố như Hà Đông, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, v.v... tổ chức học tập. Đặc biệt từ ngày 4 đến 6/5/1955 diễn ra Hội nghị các

linh mục toàn địa phận Phát Diệm để nghiên cứu chính sách tôn giáo của Chính phủ. Tương tự, ngày 5/5/1955 các linh mục địa phận Bùi Chu họp nghiên cứu chính sách đó. Hội nghị nhất trí thấy rõ Hồ Chí Minh và Chính phủ luôn chăm sóc đến đời sống đồng bào Công giáo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Ở Nghệ An, trong Hội nghị các linh mục nghiên cứu chính sách tôn giáo, các đại biểu các xứ Mỹ Dụ, Cẩm Trường, Nghi Lộc, Song Ngọc, Anh Sơn, Xã Đoài đều tỏ lòng biết ơn Hồ Chí Minh, hoan nghênh chính sách tôn giáo của Chính phủ⁽²⁷⁾.

Như vậy, cả nơi có đông tín đồ và tình hình Công giáo phức tạp, trong kháng chiến cũng như tại thời điểm đó đều đã học tập quán triệt và phấn khởi trước chính sách của Chính phủ về bảo đảm tự do tín ngưỡng.

Từ sau kì họp thứ 4, Quốc hội Khoá I Chính phủ đã tích cực khẩn trương biên soạn để rồi ngày 14/6/1955, nghĩa là chưa đầy 3 tháng, *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* được ban hành. Sắc lệnh nêu rõ những nguyên tắc chính trong chính sách của Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với tôn giáo và đối với vấn đề tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, đồng thời cũng nêu một cách rõ ràng và toàn diện những chủ trương cụ thể để đảm bảo quyền tự do ấy của nhân dân⁽²⁸⁾. Toàn văn Sắc lệnh gồm 5 chương, 16 điều, do Hồ Chí Minh kí và Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp kí.

26. Báo Nhân dân. Ngày 27/3/1955.

27. Báo Nhân dân. Ngày 8/6/1955.

28. Báo Nhân dân. Ngày 4/7/1955.

Các điều trong các chương đều có liên quan đến Công giáo. Ngày nay có dịp nghiên cứu kĩ hơn, sâu hơn chúng ta càng thấy học tập được rất nhiều điều trong Sắc lệnh. Một vài ví dụ:

Điều 1. Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân... Đáng chú ý ở đây là cụm từ *của nhân dân* chứ không phải *của công dân* nghĩa là nội hàm của nó rộng hơn.

Điều 3. Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam...

Điều 5. Các tôn giáo được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo của mình.

Điều 9. Các tôn giáo được phép mở trường tư thục. Các trường tư thục đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ...

Đây là những vấn đề khi đất nước thống nhất, đặc biệt là khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Nhà nước ta mới có dịp xem xét ban hành.

Với Công giáo, một trong những vấn đề ở phần trên chúng tôi đã đề cập, đó là Điều 13. Toàn văn điều này như sau: *Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo.*

Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo.

Điều này đã xua tan nỗi lo lắng cả về phía Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Công giáo Việt Nam khi mà họ sợ rằng Nhà nước Việt Nam học tập Nhà nước Trung Hoa tách Giáo hội Công giáo Việt Nam ra khỏi Giáo hội Công giáo Rôma theo hướng Tam Tự.

Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo do vậy được thực hiện trong một thời gian dài bởi nó thực sự đi vào cuộc sống. Nhiều vấn đề tôn giáo được giải tỏa, được giải quyết hợp tình, hợp lý, phù hợp với điều kiện khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, khi bước vào hai cuộc chiến tranh phá hoại ở Miền Bắc do đế quốc Mỹ gây ra, Đảng, Nhà nước ta phải động viên toàn bộ sức người, sức của để đánh thắng chiến tranh phá hoại, đồng thời chi viện cho Miền Nam đánh thắng giặc Mỹ nên không có điều kiện để tổng kết, đánh giá những cái đạt được và những điều mà xã hội cũng như tôn giáo đã có những thay đổi để kịp thời điều chỉnh. Bởi rõ ràng luật pháp không phải là nhất thành bất biến, nhất là một đối tượng như tôn giáo với sự chuyển động của nó thì việc chế định, điều chỉnh mới là tất yếu. Vì vậy, có lúc, có nơi, nơi này hay nơi khác, đặc biệt dưới chính quyền cơ sở do dân bầu lên theo nhiệm kỳ nên đã không thực sự thấm nhuần được nhiều nội dung của Sắc lệnh. Từ đó xảy ra tình trạng công tác tôn giáo ở những địa phương này hay địa phương khác và đôi khi có những vấn đề trên phạm vi cả nước đã không chuyển biến kịp với tình hình, gây sự bức xúc trong một số tôn giáo trong đó có Công giáo. Và, cũng thật đáng tiếc sau ngày Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, đến tận năm 1991 với Nghị định: *Quy định về các hoạt động tôn giáo* của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) mới được ban hành. Vậy là nếu tính theo văn bản pháp quy kể từ năm 1955 đến thời điểm này (1991) nghĩa là tới hơn 35 năm mới lại có văn bản mới. Mặc dù để thực hiện công tác tôn giáo, Nhà nước vẫn có Chỉ thị, ở cấp tỉnh, thành phố tùy thuộc vào tình

hình địa phương mà có những văn bản quy định. Rồi trên cơ sở đó huyện, xã cũng có thể có Nghị quyết về công tác tôn giáo tùy theo tình hình huyện, xã của họ.

Điều này kéo theo không ít hệ lụy mà có những tồn tại cho đến nay chúng ta vẫn đang cần phải khắc phục. Chẳng hạn như việc bảo quản hồ sơ giấy tờ liên quan đến đất đai, cơ sở thờ tự của tôn giáo, đâu là hiến nhượng, đâu là tịch thu, đâu là mượn để có sở cứ khi giải quyết. Cũng có một số địa phương nhất là ở địa bàn đông dân cư với hoàn cảnh giáo dân toàn bộ hay hầu hết di cư vào Nam nên cơ sở thờ tự, đất đai bỏ trống, chính quyền địa phương đã sử dụng cho nhân dân canh tác hoặc làm nhà ở. Bởi với người dân “tắc đất, tắc vàng” không thể để hoang. Ở Miền Bắc do các Đại chủng viện đóng cửa đã lâu nên không có cơ sở đào tạo linh mục trong khi một số lượng lớn linh mục di cư vào Nam. Cùng với thời gian số linh mục ở lại già yếu và qua đời dần, xảy ra tình trạng nhiều xứ đạo không có linh mục coi sóc. Thực tế đã diễn ra như sau: Một linh mục ngoài là chính xứ một xứ đạo còn phải kiêm nhiệm một số xứ đạo lân cận, 3, 4, 5 thậm chí có thể đến một chục. Địa bàn rộng, tín đồ đông, một linh mục dù có cố gắng đến đâu cũng không thể chu toàn sứ mệnh của mình với Thiên Chúa và đàn chiên của Chúa. Rồi ở Tòa Giám mục Địa phận hay ở một số xứ, giáo hội tổ chức đào tạo linh mục tại chỗ theo hình thức truyền nghề sau đó thì tấn phong linh

mục. Những vị linh mục được đào tạo và tấn phong dạng này được chính quyền cơ sở gọi là linh mục chui (gọi tắt của linh mục phong chui). Lại có những linh mục đã được Giáo hội tấn phong rồi nhưng chính quyền không chấp nhận. Họ không được ăn nghỉ tại nhà thờ mà vẫn ở nhà riêng của mình, do họ không được mặc áo lễ (áo trùng) mà mặc áo như người thường nên họ được gọi là linh mục áo ngắn (hay linh mục áo cộc). Với những người gia nhập dòng tu cũng vậy. Sau ngày đất nước thống nhất có không ít nữ giới ở các xứ đạo Miền Bắc đã vào Nam đến các dòng tu tìm hiểu để sống cuộc đời tận hiến. Do họ gia nhập dòng tu mà không xin phép chính quyền, không có những thủ tục cần thiết nên được coi là tu chui (thực ra là đi tu chui bởi thiếu các thủ tục cần thiết). Để hạn chế hay là ngăn chặn tình hình này một số nơi dùng biện pháp kiểm tra hộ khẩu.

Do thiếu văn bản pháp quy, do công tác tôn giáo được thực hiện chủ yếu theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ sở nên mỗi nơi làm mỗi cách. Có tình trạng cực đoan diễn ra làm ảnh hưởng tới sự nghiệp đoàn kết của dân tộc.

Bài học rút ra trong thời gian này là phải luôn hoàn thiện văn bản luật pháp bởi sự biến động của sự vật là hiện tượng. Nếu làm tốt thì tình hình Công giáo yên ổn, chức sắc tín đồ thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, biện pháp của Nhà nước.

(Kì sau đăng tiếp)